

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCQ NĂM 2020

Phụ lục 3

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2020
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ HÀ NỘI (DLX) - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (7340101)

(Xét tuyển bằng hình thức dựa trên kết quả học tập THPT)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2373/QĐ-HĐTSDHCQ 2020 ngày 26/8/2020 của Chủ tịch HĐTSDHCQ 2020 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTUT	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
1	PHAN ĐÌNH VÂN	187776999	22/07/1999	Nam	00	1	A00	27.12	27.87	NV1
2	BÙI HOÀNG NAM	113768158	19/12/2002	Nam	01	1	A00	24.36	27.11	NV1
3	HÀ NGỌC HẢI	051122976	28/08/2002	Nam	01	1	A00	24.04	26.79	NV1
4	DƯƠNG HOÀNG MINH	001202008562	28/11/2002	Nam	00	3	D01	26.56	26.56	NV1
5	NGUYỄN HOÀNG	001202024600	28/02/2002	Nam	00	3	A00	26.4	26.4	NV1
6	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	051119998	28/11/2001	Nam	00	1	A01	25.4	26.15	NV1
7	NGUYỄN THÚY HẰNG	001302023531	29/08/2002	Nữ	00	2	A00	25.88	26.13	NV1
8	ĐINH THUY ANH	001302007719	03/11/2002	Nữ	00	3	A01	25.92	25.92	NV1
9	SÔI HOÀNG LONG	051199707	04/12/2002	Nam	01	1	D01	23.14	25.89	NV1
10	NGUYỄN VĂN HUY	001202033832	15/06/2002	Nam	00	3	A00	25.54	25.54	NV1
11	NGUYỄN PHẠM TRANG NHI	001302015555	15/11/2002	Nữ	00	3	D01	25.44	25.44	NV1
12	NHÂM CHÍ CƯỜNG	034202000035	26/06/2002	Nam	00	3	A00	25.26	25.26	NV1
13	ĐÀO XUÂN BẮC	030202008230	29/11/2002	Nam	00	2NT	A00	24.74	25.24	NV1
14	NÔNG THỊ QUYÊN	071098419	03/02/2001	Nữ	01	1	D01	22.44	25.19	NV1
15	ĐỖ MINH HẰNG	001302009326	25/07/2002	Nữ	00	3	D01	25.14	25.14	NV1
16	NGUYỄN THÀNH TÔN	082352111	10/11/2000	Nam	01	1	A00	22.36	25.11	NV1
17	MA KIÊN HUẤN	085946014	01/08/2002	Nam	01	1	A00	22.24	24.99	NV1
18	TRƯƠNG THỊ THU TRÀ	033302005506	20/03/2002	Nữ	00	2	A00	24.68	24.93	NV1
19	TRẦN DUY ANH	132482637	02/09/2002	Nam	00	2	A00	24.66	24.91	NV1
20	VÌ THỊ KIỀU VÂN	051180296	15/04/2002	Nữ	01	1	D01	22.04	24.79	NV1
21	NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH	001302004115	13/10/2002	Nữ	00	3	A00	24.68	24.68	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
22	NGUYỄN THỊ HUYỀN	022301003723	18/04/2001	Nữ	00	2NT	A00	24.14	24.64	NV1
23	BÙI VĂN CHI	030302009299	14/05/2002	Nữ	00	2	A00	24.38	24.63	NV1
24	BÙI MINH KHÁNH	001202012239	30/09/2002	Nam	00	3	A00	24.5	24.5	NV1
25	TRƯƠNG THỊ HÀ PHƯƠNG	044198000029	11/10/1998	Nữ	00	2	A01	24.22	24.47	NV1
26	NGUYỄN THỊ HÀ GIANG	001302012488	15/12/2002	Nữ	00	3	A00	24.42	24.42	NV1
27	NGUYỄN HÀ MINH TUẤN	095308352	26/10/2002	Nam	01	1	A00	21.6	24.35	NV1
28	NGUYỄN HOÀNG THẢO VY	075302000716	19/10/2002	Nữ	00	2	D01	24.1	24.35	NV1
29	TRẦN THỊ NA	187988362	26/10/2002	Nữ	01	2	A00	21.94	24.19	NV1
30	PHẠM NHẬT MINH	038202000364	26/08/2002	Nam	00	2	D01	23.9	24.15	NV1
31	ĐOÀN QUANG HUY	034202000756	07/04/2002	Nam	00	2	A00	23.86	24.11	NV1
32	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG AN	038202019724	22/06/2002	Nam	00	1	A00	23.34	24.09	NV1
33	VŨ MINH NGỌC	001302020219	26/12/2002	Nữ	00	3	D01	24.04	24.04	NV1
34	MÈ VĂN DŨNG	051122925	09/11/2002	Nam	01	1	A00	21.28	24.03	NV1
35	NGUYỄN LÊ HUYỀN ANH	038300020891	22/03/2000	Nữ	00	2NT	A01	23.46	23.96	NV1
36	NGUYỄN TIẾN ANH	030202009305	29/11/2002	Nam	00	2NT	D01	23.46	23.96	NV1
37	PHẠM MAI ANH	001303030352	08/03/2002	Nữ	00	3	D01	23.94	23.94	NV1
38	NGUYỄN TUẤN GIANG	001202007171	25/09/2002	Nam	00	3	D01	23.88	23.88	NV1
39	NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN	001302005484	25/11/2002	Nữ	00	2	A00	23.62	23.87	NV1
40	PHAN NGỌC ÁNH	184398088	20/11/2001	Nữ	00	2NT	A00	23.36	23.86	NV1
41	NGUYỄN THỊ KIM CHI	071074834	11/06/2001	Nữ	01	1	A00	21.08	23.83	NV1
42	ĐỖ VĂN TUẤN	001202021403	05/06/2002	Nam	00	2NT	A00	23.3	23.8	NV1
43	VŨ NGỌC ANH	034302010009	06/08/2002	Nữ	00	2NT	A00	23.2	23.7	NV1
44	KHÔNG THỊ THU HUYỀN	034302009940	09/07/2002	Nữ	00	2	A01	23.42	23.67	NV1
45	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	037302004501	15/01/2002	Nữ	00	2	D01	23.38	23.63	NV1
46	BÙI THỊ MAI LIÊN	031302000424	16/06/2002	Nữ	00	1	D01	22.84	23.59	NV1
47	NGUYỄN MINH NGUYỆT	036302001960	17/04/2002	Nữ	00	2	A00	23.34	23.59	NV1
48	PHẠM HỮU HÒA	022202000255	09/12/2002	Nam	00	3	A00	23.44	23.44	NV1
49	VŨ PHƯƠNG THẢO	001302022577	06/11/2002	Nữ	00	3	D01	23.4	23.4	NV1
50	LÊ ANH THƯ	001301023249	19/08/2001	Nữ	00	2	D01	23.12	23.37	NV1
51	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	034301010237	12/06/2001	Nữ	00	2NT	A00	22.86	23.36	NV1
52	PHẠM TIẾN THÀNH	001202002513	07/07/2002	Nam	00	3	A00	23.34	23.34	NV1
53	TRỊNH HẰNG PHƯƠNG	125940225	25/10/2002	Nữ	00	2	D01	23.08	23.33	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
54	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	001302009274	29/10/2002	Nữ	00	3	D01	23.28	23.28	NV1
55	TRƯƠNG VĂN MINH	001202014557	17/10/2002	Nam	00	3	D01	23.24	23.24	NV1
56	BÙI LAN PHƯƠNG	113780618	21/05/2002	Nữ	01	1	D01	20.44	23.19	NV1
57	TẶNG PHƯƠNG THẢO	001302015139	25/11/2002	Nữ	00	3	D01	23.18	23.18	NV1
58	BÙI THỊ TỎ UYÊN	022302002162	09/02/2002	Nữ	00	1	D01	22.42	23.17	NV1
59	NGUYỄN THỊ YẾN LINH	027302000087	07/12/2002	Nữ	00	3	A00	23.16	23.16	NV1
60	BÙI CHIẾN THẮNG	125922415	19/03/2002	Nam	00	2NT	A00	22.64	23.14	NV1
61	PHAN MINH HOÀNG	001201007867	03/09/2001	Nam	00	3	D01	23.08	23.08	NV1
62	QUÁCH THỊ KHÁNH LINH	033302005711	14/06/2002	Nữ	00	2NT	D01	22.56	23.06	NV1
63	LÊ QUỲNH ANH	001301007359	29/04/2001	Nữ	00	3	A00	23.02	23.02	NV1
64	TRẦN THỊ THÚY HẰNG	125902123	02/07/2002	Nữ	00	2	A00	22.72	22.97	NV1
65	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	001302011630	23/12/2002	Nữ	00	3	D01	22.96	22.96	NV1
66	HẮC NGỌC NAM	038202000832	01/01/2002	Nam	00	2	D01	22.66	22.91	NV1
67	NGUYỄN THANH THÙY	038301018894	10/02/2001	Nữ	00	2NT	D01	22.32	22.82	NV1
68	NGUYỄN ĐỨC ANH	001202014149	07/12/2002	Nam	00	3	D01	22.8	22.8	NV1
69	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	031302004945	07/01/2002	Nữ	00	3	A01	22.8	22.8	NV1
70	LÊ VŨ NGỌC KHÁNH	022302003671	01/06/2002	Nữ	00	2NT	D01	22.28	22.78	NV1
71	NGUYỄN THỊ MAY	001302005021	31/10/2002	Nữ	00	2	D01	22.5	22.75	NV1
72	VŨ THỊ THÚY NGÀ	033302003479	12/09/2002	Nữ	00	3	A00	22.74	22.74	NV1
73	PHAN THỊ KHÁNH HUYỀN	001302026745	26/08/2002	Nữ	00	2	D01	22.48	22.73	NV1
74	ĐỖ MINH QUANG	036202007461	28/12/2002	Nam	00	2	A00	22.4	22.65	NV1
75	TRẦN LÂM QUANG THÁI	187916855	20/03/2002	Nam	00	2NT	A00	22.12	22.62	NV1
76	NGUYỄN THỊ LÝ	001300010714	19/02/2000	Nữ	00	2	A00	22.32	22.57	NV1
77	LÊ THÙY LINH	026302005550	04/10/2002	Nữ	00	3	A00	22.52	22.52	NV1
78	DƯƠNG NINH NHÂM	033302003722	14/10/2002	Nữ	00	2NT	D01	22	22.5	NV1
79	PHẠM MINH THƯ	022302003334	23/11/2002	Nữ	00	2	D01	22.22	22.47	NV1
80	TRƯƠNG THỊ NGỌC HIẾU	001302031769	03/08/2002	Nữ	00	1	A00	21.7	22.45	NV1
81	LÊ HỒNG VINH	001202013916	04/09/2002	Nam	00	3	A00	22.42	22.42	NV1
82	ĐINH THỊ THỦY	125912581	02/09/2002	Nữ	00	3	A01	22.4	22.4	NV1
83	PHẠM THỊ YẾN	038302003009	22/03/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.88	22.38	NV1
84	THÁI BÁ MINH	001202017272	12/09/2002	Nam	00	3	A00	22.36	22.36	NV1
85	PHẠM THỊ THANH NGÀ	038302003008	04/02/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.84	22.34	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTƯT	KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
86	LẠI THỊ THU MAI	036300007574	29/10/2000	Nữ	00	2	A00	22	22.25	NV1
87	NGUYỄN ĐÌNH KHẢI	033202003594	05/02/2002	Nam	00	2NT	A00	21.74	22.24	NV1
88	PHẠM THỊ THÙY TRANG	071085342	14/02/2001	Nữ	01	1	D01	19.48	22.23	NV1
89	NGUYỄN QUANG KHẢI	036099001076	05/10/1999	Nam	00	2NT	A00	21.72	22.22	NV1
90	NGUYỄN ĐỨC LỘC	001202017080	05/08/2002	Nam	00	2	A01	21.94	22.19	NV1
91	TRẦN TUẤN MINH	061142384	07/05/2002	Nam	00	1	D01	21.42	22.17	NV1
92	NGUYỄN THU NGÂN	001300011800	22/12/2000	Nữ	00	2	D01	21.84	22.09	NV1
93	NGUYỄN VĂN KHÁNH	030202009184	02/09/2002	Nam	00	2NT	D01	21.58	22.08	NV1
94	ĐẶNG CHI MAI	051131073	22/01/2002	Nữ	00	1	A00	21.32	22.07	NV1
95	NGUYỄN ANH MINH	001202019497	28/11/2002	Nam	00	3	D01	22.06	22.06	NV1
96	PHẠM MINH ANH	036302002221	18/03/2002	Nữ	00	3	A00	22.06	22.06	NV1
97	NGUYỄN THỊ THỦY	125917509	23/05/2002	Nữ	00	2	D01	21.76	22.01	NV1
98	NGUYỄN THỊ NGỌC	125925545	26/12/2001	Nữ	00	2NT	A00	21.44	21.94	NV1
99	BÙI THỊ TRÀ MY	034302008049	11/08/2002	Nữ	00	2NT	A00	21.4	21.9	NV1
100	NGÔ CHÍ THANH	001202004337	16/03/2002	Nam	00	3	A01	21.82	21.82	NV1
101	LÊ THU NGÂN	001302005595	08/02/2002	Nữ	00	3	D01	21.8	21.8	NV1
102	TRẦN PHƯƠNG THẢO	122436877	16/09/2002	Nữ	00	2	D01	21.54	21.79	NV1
103	VŨ THỊ HẢI YẾN	036302007223	25/05/2002	Nữ	00	2	D01	21.54	21.79	NV1
104	NGUYỄN MẠNH QUÂN	001202015618	28/04/2002	Nam	00	3	D01	21.78	21.78	NV1
105	VŨ NGỌC LINH	036302010984	09/09/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.28	21.78	NV1
106	NGUYỄN ĐIỀU LINH	038302004567	22/08/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.22	21.72	NV1
107	TRẦN MINH TÂM	035099000048	15/03/1999	Nam	00	3	D01	21.72	21.72	NV1
108	NGUYỄN MINH THUẬN	001202001674	29/01/2002	Nam	00	3	A00	21.66	21.66	NV1
109	KHẮC QUỐC UY	036202000069	28/06/2002	Nam	00	3	D01	21.64	21.64	NV1
110	NGUYỄN ANH TÀI	022202002375	22/04/2002	Nam	00	2	D01	21.38	21.63	NV1
111	TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	026202000176	04/05/2002	Nam	00	2	D01	21.38	21.63	NV1
112	ĐỖ THỊ QUỲNH TRANG	031302007875	21/02/2002	Nữ	00	1	D01	20.84	21.59	NV1
113	VŨ MINH HUẾ	030302006913	13/05/2002	Nữ	00	2NT	D01	21.08	21.58	NV1
114	VŨ MINH HIẾU	001202020500	29/11/2002	Nam	00	3	A00	21.54	21.54	NV1
115	TRẦN ANH TUẤN	036202001936	27/11/2002	Nam	00	2	D01	21.28	21.53	NV1
116	ĐỖ THỊ THÀNH	001302036146	17/11/2002	Nữ	00	2	D01	21.26	21.51	NV1
117	NGUYỄN KIM OANH	001302021866	23/07/2002	Nữ	00	2	D01	21.24	21.49	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTUT	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
118	BÙI THỊ MAI HƯƠNG	113813504	25/12/2002	Nữ	01	1	D01	18.72	21.47	NV1
119	PHAN THỊ QUỲNH TRANG	001302024361	28/10/2002	Nữ	00	2	D01	21.2	21.45	NV1
120	HOÀNG THỊ MAI	001302015426	26/11/2002	Nữ	00	2	D01	21.18	21.43	NV1
121	HỒ THỊ ANH THU	001302008401	31/10/2002	Nữ	00	3	A00	21.42	21.42	NV1
122	TRẦN ĐÌNH THẮNG	030202007347	23/08/2002	Nam	00	3	D01	21.4	21.4	NV1
123	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	001302030029	27/07/2002	Nữ	00	2	A00	21.1	21.35	NV1
124	QUẢN TRỌNG HẢI	001202016306	22/12/2002	Nam	00	3	A00	21.34	21.34	NV1
125	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	091906725	15/06/2002	Nữ	00	2	A00	21.08	21.33	NV1
126	NGHIÊM XUÂN HIỀN	001200005090	10/02/2000	Nam	00	3	A00	21.32	21.32	NV1
127	ĐÀO THỊ MỸ LINH	033302003284	24/04/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.78	21.28	NV1
128	NGUYỄN TIẾN DŨNG	001202020091	28/06/2002	Nam	00	3	D01	21.26	21.26	NV1
129	NGUYỄN VIỆT HÙNG ANH	132439763	07/09/2002	Nam	00	1	D01	20.5	21.25	NV1
130	VŨ QUANG HUY	001202016760	07/12/2002	Nam	00	3	A00	21.2	21.2	NV1
131	NGUYỄN LƯƠNG TOÀN THẮNG	125888229	07/03/2002	Nam	00	2	D01	20.9	21.15	NV1
132	LƯU THỊ LỆ	001302035139	11/06/2002	Nữ	00	2	D01	20.86	21.11	NV1
133	PHẠM THỊ QUYÊN	038302004579	17/10/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.6	21.1	NV1
134	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	001202004359	02/10/2002	Nam	00	3	D01	21.08	21.08	NV1
135	NGUYỄN TRÀ MY	001302011418	24/06/2002	Nữ	00	3	D01	21.08	21.08	NV1
136	HOÀNG THANH TÙNG	051122262	04/01/2002	Nam	00	1	A00	20.3	21.05	NV1
137	PHAN THÙY TRANG	001302001476	23/04/2002	Nữ	00	3	D01	21.04	21.04	NV1
138	ĐỖ THỊ HẠNH	001302032570	21/12/2002	Nữ	00	2	D01	20.74	20.99	NV1
139	BÙI QUỲNH CHI	001302016123	11/07/2002	Nữ	00	3	A00	20.98	20.98	NV1
140	HOÀNG THỊ THU PHƯƠNG	030301010255	25/01/2001	Nữ	00	2NT	D01	20.44	20.94	NV1
141	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN ĐẠT	184369223	02/11/1999	Nam	00	2	A00	20.68	20.93	NV1
142	LÊ QUỲNH HƯƠNG	001302018269	04/12/2002	Nữ	00	3	D01	20.88	20.88	NV1
143	NGUYỄN THỊ NGỌC	038302018597	04/02/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.38	20.88	NV1
144	NGUYỄN NGÔ KIỀU NHUNG	025301000062	08/09/2001	Nữ	00	2	D01	20.6	20.85	NV1
145	TRẦN HẬU TRƯỜNG	184275398	23/08/1997	Nam	00	2	D01	20.58	20.83	NV1
146	HOÀNG MỸ LINH	001194004639	29/08/1994	Nữ	00	3	A01	20.78	20.78	NV1
147	ĐỖ THỊ HẰNG	122395867	29/03/2002	Nữ	00	2	A00	20.48	20.73	NV1
148	NGUYỄN THỊ HẠNH	125909537	19/10/2002	Nữ	00	2	D01	20.48	20.73	NV1
149	TRẦN KHÁNH DƯƠNG	036202002220	27/05/2002	Nam	00	2	D01	20.42	20.67	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTUT	KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
150	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	038302019765	04/05/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.12	20.62	NV1
151	NGUYỄN MINH QUÂN	001202034869	23/06/2002	Nam	00	3	D01	20.62	20.62	NV1
152	NGUYỄN THỊ THỦY	001302000473	17/01/2002	Nữ	00	3	D01	20.62	20.62	NV1
153	LÊ THỊ HÀ UYÊN	001302019673	26/05/2002	Nữ	00	3	D01	20.58	20.58	NV1
154	PHẠM THỊ MAI HOA	037302003007	11/01/2002	Nữ	00	2NT	D01	20.06	20.56	NV1
155	VŨ LONG	122393671	27/08/2002	Nam	00	1	D01	19.8	20.55	NV1
156	TRẦN THỊ HÒA	038302014549	27/05/2002	Nữ	00	2	D01	20.16	20.41	NV1
157	PHẠM MAI LINH	001302009419	18/12/2002	Nữ	00	3	D01	20.38	20.38	NV1
158	PHAN THỊ NGỌC HUYỀN	034302001337	24/09/2002	Nữ	00	2NT	D01	19.84	20.34	NV1
159	NGHIÊM HUY LONG	001202001676	05/04/2002	Nam	00	3	D01	20.26	20.26	NV1
160	NGUYỄN HOÀNG DUY BẢO	001202003267	30/03/2002	Nam	00	3	D01	20.26	20.26	NV1
161	PHẠM THỊ HUYỀN	036302001703	02/12/2002	Nữ	00	3	D01	20.24	20.24	NV1
162	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	001302013961	15/11/2002	Nữ	00	3	D01	20.24	20.24	NV1
163	NGUYỄN NGỌC ÁNH	001302004132	23/01/2002	Nữ	00	3	D01	20.18	20.18	NV1
164	ĐỖ THẢO LINH	001302003622	01/10/2002	Nữ	00	3	D01	20.16	20.16	NV1
165	HOA THANH ĐẠT	001202015975	02/01/2002	Nam	00	3	A00	20.16	20.16	NV1
166	NGUYỄN HƯƠNG THẢO	003102002465	24/07/2002	Nữ	00	3	D01	20.14	20.14	NV1
167	KIM THỊ HỒNG NHUNG	001302030022	23/08/2002	Nữ	00	2	A00	19.86	20.11	NV1
168	NGUYỄN ĐỨC ANH	037202003333	16/02/2002	Nam	00	2	D01	19.86	20.11	NV1
169	LÊ MINH ANH	091961507	28/10/2001	Nam	00	1	A00	19.32	20.07	NV1
170	ĐẶNG ANH VŨ	038202020101	01/02/2002	Nam	00	2	D01	19.78	20.03	NV1
171	PHÙNG KIỀU TRANG	001302028938	06/12/2002	Nữ	00	3	D01	19.9	19.9	NV1
172	CHU THỊ THU HÀ	001302038102	25/05/2002	Nữ	00	2	A00	19.62	19.87	NV1
173	TÔ TRUNG ĐỨC	033202005747	01/01/2002	Nam	00	2	D01	19.62	19.87	NV1
174	PHẠM HUY VŨ	001202006398	08/08/2002	Nam	00	3	D01	19.86	19.86	NV1
175	HOÀNG THANH ĐẠT	001099008311	20/08/1999	Nam	00	3	A00	19.82	19.82	NV1
176	NGUYỄN MẠNH HÙNG	092004752	07/09/2002	Nam	00	3	A00	19.74	19.74	NV1
177	BÙI DIỄM MY	051204363	09/05/2002	Nữ	00	1	A00	18.98	19.73	NV1
178	NGUYỄN TUẤN HÙNG	063548560	27/07/2002	Nam	00	1	D01	18.94	19.69	NV1
179	LÃ HÀ VI	001802005188	30/11/2002	Nữ	00	3	D01	19.64	19.64	NV1
180	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	001302020330	14/01/2002	Nữ	00	2	A01	19.3	19.55	NV1
181	NGUYỄN ĐỨC ANH	113765354	25/08/2002	Nam	00	1	D01	18.78	19.53	NV1

STT	Họ và Tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	ĐTU ^T	KVU ^T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm 03 Môn	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
182	VY ĐỨC DŨNG	082369040	23/04/2001	Nam	00	1	A00	18.74	19.49	NV1
183	NGÔ QUANG LỘC	001202001578	23/01/2002	Nam	00	3	D01	19.38	19.38	NV1
184	TRẦN THỌ ANH	184431422	02/04/2002	Nam	00	2NT	D01	18.88	19.38	NV1
185	NGUYỄN THỊ THANH GIANG	001302034228	01/06/2002	Nữ	00	2	D01	19.12	19.37	NV1
186	NGUYỄN ĐẶNG QUÝ	001201017460	26/10/2001	Nam	00	2	A01	19.1	19.35	NV1
187	NGUYỄN THANH LUÂN	001202010747	22/11/2002	Nam	00	3	A00	19.29	19.29	NV1
188	NGUYỄN THỊ THU HÀ	036302003622	08/11/2002	Nữ	00	2NT	D01	18.78	19.28	NV1
189	ĐOÀN THỊ THỦY	187841881	30/04/2001	Nữ	00	3	A00	19.24	19.24	NV1
190	NGUYỄN XUÂN THÀNH	022202006511	31/10/2002	Nam	00	2	A00	18.82	19.07	NV1
191	LÊ MẠNH ĐẠT	001202015049	02/08/2002	Nam	00	3	A00	18.84	18.84	NV1
192	NGUYỄN HOÀI AN	001302019572	04/06/2002	Nữ	00	3	D01	18.72	18.72	NV1
193	BÙI KIMH THANH	145898572	12/01/1997	Nam	00	2NT	D01	18.06	18.56	NV1
194	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG AN	033302006117	15/10/2002	Nữ	00	2NT	D01	17.94	18.44	NV1
195	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	001202001185	18/05/2002	Nam	00	3	D01	18.32	18.32	NV1
196	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	001202008589	24/11/2002	Nam	00	3	A00	18.22	18.22	NV1
197	ĐỖ HUYỀN TRANG	001302028673	13/10/2002	Nữ	00	3	D01	18.12	18.12	NV1
198	BÙI THỊ NHẬT ÁNH	132418946	08/09/2001	Nữ	00	2	D01	17.86	18.11	NV1
199	TRẦN THÀNH DUYÊN	001200006800	14/05/2000	Nam	00	3	A00	18.08	18.08	NV1
200	LƯU QUANG ANH	001202039251	11/10/2002	Nam	00	3	D01	18.02	18.02	NV1

Danh sách này có 200 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

